TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Hải**- Chủ tịch UBND xã Thạnh An;

2. Bà **Trần Thị Diễm Châu** – Nguyên cán bộ Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Hạnh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Tiến Lễ**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX- ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết X**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, Tp. Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Đình P**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết X trình bày: Bà và ông P do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015. Không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 11/9/2017 tại UBND thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì sống ly thân đến nay. Nguyên nhân là do ông P coi trọng bạn bè hơn gia đình,

sống vô tâm và không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu ly hôn với ông P. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Vũ Phạm Cát T, sinh ngày 23/3/2016. Từ khi ly thân đến nay cháu T sống với bà X. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, riêng và nợ không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn ông Vũ Đình P, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông P nhiều lần tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà X yêu cầu ly hôn với ông P, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: chấp nhận cho bà X được ly hôn với ông P. Về con chung: Giao cháu Vũ Phạm Cát T, sinh ngày 23/3/2016 cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Vũ Đình P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà X yêu cầu ly hôn với ông P đây là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông P có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật

Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà X thì cuộc sống của bà và ông P không hạnh phúc, nguyên do ông P rất coi trọng bạn bè hơn gia đình, sống vô tâm và không chăm sóc vợ và con chu đáo, mặc dù bà và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can và cho ông P cơ hội để ông P thay đổi nhưng ông P vẫn như vậy từ đó dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cải. Nên bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X xin ly hôn. Về phía ông P thì Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông vẫn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, cho thấy ông P cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà X, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà X được ly hôn với ông P theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có căn cứ.

[4] Về con chung: Ông P và bà X có 01 con chung là cháu Vũ Phạm Cát T, sinh ngày 23/3/2016, hiện tại cháu T đang sống chung với bà X, khi ly hôn bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay cháu Tường do bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà X cho rằng bà có khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc ông P phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định chung.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35,39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên án</u>**:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Tuyết X được ly hôn với ông Vũ Đình P.

Về con chung: Giao cháu Vũ Phạm Cát T, sinh ngày 23/3/2016 cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, ông P và bà X có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết Xinh phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:AA/2019/016310 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào